

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 16 tháng 03, 2026

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	MZG	13/03/2026	12.9	3.185.600	433.747	7.34
2	QTP	13/03/2026	13.6	2.368.000	642.293	3.69
3	LAS	13/03/2026	20.2	4.670.100	1.319.863	3.54
4	GEG	13/03/2026	16.75	3.051.800	1.057.770	2.89
5	NVL	13/03/2026	12.65	23.778.300	8.348.897	2.85
6	HHV	13/03/2026	12.5	13.039.500	4.740.290	2.75
7	PAC	13/03/2026	26.15	1.464.500	549.657	2.66
8	TVD	13/03/2026	12.1	588.500	235.170	2.5
9	KSB	13/03/2026	17.15	3.650.300	1.509.983	2.42
10	PVT	13/03/2026	24.65	24.641.800	10.826.153	2.28
11	FCN	13/03/2026	12.75	1.954.600	898.307	2.18
12	VCG	13/03/2026	23.5	22.372.900	11.010.677	02.03
13	TCH	13/03/2026	15.1	13.619.400	7.290.120	1.87
14	EVF	13/03/2026	15.1	19.282.100	10.348.547	1.86
15	DSE	13/03/2026	23.15	559.900	302.723	1.85
16	MSR	13/03/2026	51	6.808.100	3.872.717	1.76
17	DGC	13/03/2026	77.4	8.635.900	4.972.130	1.74
18	VPI	13/03/2026	58.7	2.915.100	1.695.170	1.72
19	PVP	13/03/2026	15.3	1.911.200	1.115.497	1.71
20	DCM	13/03/2026	47.9	11.046.300	6.508.900	1.7
21	HUT	13/03/2026	16.3	3.419.500	2.167.137	1.58
22	BSR	13/03/2026	35.2	35.612.800	24.205.944	1.47
23	SSI	13/03/2026	28.4	54.940.600	37.879.832	1.45
24	BFC	13/03/2026	67.1	527.300	367.153	1.44
25	REE	13/03/2026	63.8	1.161.100	814.460	1.43
26	HDG	13/03/2026	28.45	3.477.600	2.472.820	1.41
27	DPM	13/03/2026	33.2	17.041.900	12.179.833	1.4



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200
1	BID	13/03/2026	40.65	8.987.820	33.47	40.48	0.43
2	CTD	13/03/2026	80.4	1.032.930	48.71	78.69	2.17
3	CTG	13/03/2026	34	15.979.950	34.73	33.99	0.03
4	CTI	13/03/2026	24.2	1.175.500	52.59	24.08	0.5
5	DDV	13/03/2026	29.6	3.864.140	48.92	29.25	1.18
6	DGW	13/03/2026	43.15	4.387.880	39.61	43.06	0.21
7	DPR	13/03/2026	41.2	1.392.550	48.01	38.68	6.5
8	DVM	13/03/2026	6.6	708.890	58.37	6.51	1.38
9	FRT	13/03/2026	149.1	627.320	40.68	145.56	2.43
10	GSP	13/03/2026	11.9	558.970	50.98	11.14	6.78
11	HDG	13/03/2026	28.45	3.542.500	59.37	28.25	0.71
12	HPG	13/03/2026	26.65	65.167.132	45.6	26.46	0.73
13	HUT	13/03/2026	16.3	2.778.650	53.53	16.21	0.58
14	IDI	13/03/2026	7.39	984.770	60.72	7.31	01.08
15	MWG	13/03/2026	82	12.188.270	41.21	77.72	5.51
16	ORS	13/03/2026	13.1	5.274.650	44	12.91	1.49
17	PAC	13/03/2026	26.15	1.137.610	63.32	24.88	5.12
18	PAN	13/03/2026	32.2	1.681.630	52.97	30.13	6.88
19	PGC	13/03/2026	14.25	520.700	43.72	13.97	2
20	PHR	13/03/2026	61.4	782.480	48.93	57.71	6.39
21	POW	13/03/2026	13.3	40.312.808	43.51	12.47	6.68
22	PPC	13/03/2026	10.65	687.550	62.62	10.32	3.23
23	PVG	13/03/2026	7	619.780	46.06	6.66	5.12
24	PVP	13/03/2026	15.3	2.596.610	45.13	14.5	5.51
25	SIP	13/03/2026	58.3	751.070	48.53	57.66	1.11
26	TVN	13/03/2026	8.5	1.657.180	45.72	8.11	4.79
27	VGI	13/03/2026	82.4	1.344.040	33.74	80.89	1.87



Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu



Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	NAF	45.35	44.75	983.910

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	EVF	15.1	14.7	17.341.430
2	GEG	16.75	16.5	2.384.200
3	IDI	7.39	7.34	984.770
4	MZG	12.9	12.2	700.440
5	PAC	26.15	25.85	1.137.610
6	PPC	10.65	10.6	687.550

Vượt đỉnh phá đáy

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	AGR	14.6	14.65	1.505.100
2	APG	7.12	7.65	198.070
3	BCM	53.7	54	1.195.420
4	BMP	138.5	140.5	191.780
5	BTH	22.5	23	16.230
6	BVS	26.7	27.1	466.970
7	CTS	26.95	27.7	1.240.780
8	FTS	27.3	27.4	1.670.430
9	HSL	5.39	5.6	644.790
10	HVN	22.55	22.65	2.915.860
11	PSI	7.3	7.4	539.050
12	SHS	16.4	16.6	23.416.130
13	TLD	7.96	8	130.880
14	VDS	15.1	15.15	1.700.540
15	VFS	14	14.1	2.906.070
16	VND	16.25	16.55	16.874.850

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	APG	7.12	7.12	198.070
2	FTS	27.3	26.95	1.670.430
3	VTP	89.1	88	601.360



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	CTD	80.4	78.69	1.032.930
2	CTI	24.2	24.08	1.175.500
3	HDG	28.45	28.25	3542500
4	HUT	16.3	16.21	2.778.650
5	IDI	7.39	7.31	984.770
6	PPC	10.65	10.32	687.550

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	CTI	24.2	24.01	1.175.500
2	DRI	13.5	13.44	2.920.550
3	DXP	12.7	12.49	1083450
4	HHV	12.5	12.04	6.646.590
5	HUT	16.3	16.03	2.778.650
7	NVL	12.65	11.97	12019130
8	PPC	10.65	10.14	687550
9	TCH	15.1	15.6	8972280
10	VHC	60.6	60.49	1808530
11	VIB	16.9	16.88	8345480
12	VPI	58.7	58.55	2379240
13	VSC	24.8	24.56	12087640

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	CTD	80.4	78.96	1.032.930
2	GIL	14.2	14.16	534.880
3	HHV	12.5	12.4	6646590
4	NVL	12.65	12.48	12.019.130
5	PPC	10.65	10.07	687.550
6	VHC	60.6	60.15	1.808.530



Cổ phiếu cắt xuống
dưới các đường trung
bình phát tín hiệu bán
khi giá có thể giảm sâu
hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	DRH	2.68	2.71	1.104.110
2	GEE	147.5	149.35	830.280
3	HAH	56.7	57.82	5735200
4	PVB	30	31.13	856.370

Cắt xuống đường trung bình MA20

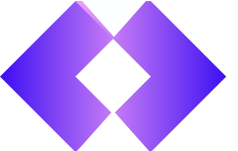
STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	CRC	9.1	9.13	1.628.770
2	DDV	29.6	30.34	3.864.140
3	DPR	41.2	41.85	1392550
4	GMD	75.9	76.72	3.086.210
5	OIL	19.2	19.28	14.117.530
7	POM	4.1	4.51	5579030

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	PVG	7	07.09	619.780
2	PVS	40	42.38	16.457.830
3	VTO	11.9	11.97	1445970

Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	SJD	13/03/2026	14.1	13.7	14.25	04.01	164,560
2	VSH	13/03/2026	43.4	42	44.6	6.19	13,400
3	CLH	13/03/2026	22	20.9	22.5	7.66	6,340
4	ADP	13/03/2026	23.2	22.22	24.2	8.91	6,660
5	GDT	13/03/2026	19.3	18.75	20.42	8.91	26,100
6	SKV	12/03/2026	25.9	25	27.3	9.2	12,240
7	DRL	13/03/2026	46.1	45.2	49.45	9.4	6,820
8	SBA	13/03/2026	28.2	27.5	30.2	9.82	7,900



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông

Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009